

Số: 276.1/QĐ-TCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá

Gói thầu Mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 019/QĐ-HĐTVTCT ngày 14/01/2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TCT ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tổng Giám đốc về việc thành lập Tổ mua sắm cho hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động thường xuyên tại Phòng Hành chính, Phòng Thị trường và các phòng ban khác của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Ủy quyền số 1101/UQ-TCT ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Tờ trình số 563/TTr-TCNS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Phòng Tổ chức - Nhân sự về việc xin chủ trương mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-TCT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tổng Giám đốc về phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 28.1/BC-TTĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tổ Thẩm định về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 565/TTr-TMS-NS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tổ mua sắm Tổng Công ty về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025 như hồ sơ đính kèm.

Điều 2. Tổ mua sắm Tổng Công ty, Phòng Tổ chức - Nhân sự Tổng Công ty và Phòng Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành. Mọi sự thay đổi cần thiết phải được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

(Đính kèm dự thảo Yêu cầu báo giá).

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu VT TMS-NS (HP).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ✓**



Nguyễn Tuấn



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025

Phát hành ngày: 29 tháng 5 năm 2025

Ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt Yêu cầu báo giá số:
276.1/QĐ-TCT ngày 29 tháng 5 năm 2025



Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên.
2. Tên bên mời thầu là: Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu Mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Bảng mô tả quyền lợi bảo hiểm theo Mẫu số 03 Chương III.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm mở đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên, số 275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. HCM **chậm nhất là 10h00 ngày 30/5/2025**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các Hồ sơ báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các Hồ sơ báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu theo thứ tự có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá, có giá chào thấp nhất và không vượt giá gói thầu được duyệt đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện theo thứ tự đánh giá sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá (đảm bảo quyền lợi bảo hiểm cho đủ 188 người, trong đó bao gồm 06 người mắc bệnh K);
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được đăng tải trên website của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên (<https://satra.com.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Không áp dụng.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải đảm bảo quyền lợi bảo hiểm theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Thời hạn bảo hiểm	Số lượng	Các yêu cầu khác (nếu có)
1	Mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025	Bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty (trong đó có 06 người mắc bệnh K), mô tả quyền lợi bảo hiểm: 1. Bảo hiểm tai nạn 2. Bảo hiểm sức khỏe nhóm 3. Điều trị ngoại trú (bao gồm điều trị răng cơ bản)	01/6/2025 đến 31/5/2026	188 người* (gồm 178 người lao động và 10 người quản lý)	Không

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị báo giá.

Chương III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO HÀNG**

Ngày: 29 tháng 5 năm 2025

Tên gói thầu: Bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025

Kính gửi: Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu Bảo hiểm sức khỏe cho CBNV Cơ quan Tổng Công ty năm 2025 theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng (từ 01 tháng 6 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu]*.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Stt	Chương trình bảo hiểm	Số lượng (Người)	Phí bảo hiểm (Đồng/người/năm)	Tổng cộng	Ghi chú
1	Lãnh đạo	10			Thời gian bảo hiểm từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026
2	Nhân viên	178			Thời gian bảo hiểm từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026
Cộng:					
Thuế VAT:					
Tổng cộng giá chào					

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

0037
 ONG
 G TY
 NG M
 G O
 NH
 ANH VI
 HỒ O

BẢNG MÔ TẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Stt	Diễn giải quyền lợi	Nhân viên	Lãnh đạo	Ghi chú
1	BẢO HIỂM TAI NẠN:			
				
				
				
2	BẢO HIỂM SỨC KHỎE NHÓM:			
				
				
				
3	ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ (BAO GỒM ĐIỀU TRỊ RĂNG CƠ BẢN):			
				
				
				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

(Dự thảo hợp đồng do Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu sẽ thống nhất với nhau trong quá trình thương thảo hợp đồng).

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền)



hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...].

b) Thời hạn thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].

c) Số lần thanh toán _____ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phân công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].

Điều 6. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với nội dung nêu trong bản yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp

đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [Ghi cụ thể thời gian] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [Ghi cơ chế xử lý tranh chấp].

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư/bên mời thầu giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 01, mẫu số 02, Mẫu số 03 trong bản yêu cầu báo giá này].